

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày 16 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Dũng; Bà Trần Thị Huệ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Nhà văn hóa thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn C, sinh ngày 10/3/1993 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn P, sinh năm 1962 và bà Phùng Thị L, sinh năm 1964, hiện đều trú tại: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 77/2013/HSST ngày 21/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung 5.000.000đ, tịch thu 100.000đ sung công quỹ nhà nước và 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Ngày 15/5/2014 bị cáo đã thi hành xong toàn bộ phần dân sự của bản án. Ngày 20/7/2015 bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/10/2017, tạm giam ngày 13/10/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/01/1994, tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959, hiện đều trú tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Có vợ: Phan Thị H, sinh năm

1996, hiện là sinh viên trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội; Bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/10/2017, tạm giam ngày 13/10/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Anh Lê Xuân N1, Sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ 5, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Trần Văn K, Anh Trần Văn K1, Chị Đoàn Thị Thúy N, Anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N là bạn với nhau, ngày 29/9/2017, Nguyễn Văn N đi lên thành phố L thuê phòng trọ tại khu vực bên xe P để ở và đi tìm việc làm, đồng thời N liên lạc với C hẹn gặp nhau ở thành phố L. Ngày 02/10/2017, C lên thành phố L gặp N ở phòng trọ. Tại đây C và N vừa đi chơi vừa đi tìm việc làm, đến ngày 03/10/2017, do không còn tiền để chi tiêu, nên C chủ động rủ N đi cướp tài sản của lái xe tắc xi, N đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, C thanh toán tiền phòng trọ rồi cả hai đi bộ đến khu vực bên xe P, thành phố L với mục đích tìm mua dao dùng làm công cụ phạm tội. Cả hai vào cửa hàng của anh Trần Văn K, sinh năm 1977 ở tổ 14, phường P, thành phố L, C và N chọn mua được 01 con dao cau, có chiều dài 18,5 cm, trong đó phần lưỡi dao bằng kim loại dài 10 cm, phần chuôi dao bằng gỗ màu trắng. C là người trả tiền mua dao với giá 15.000đ, sau khi mua xong C đưa N, N cầm dao đút vào túi quần và cả hai đi bộ về khu vực dốc K30 thuộc phường P, thành phố L tìm đón tắc xi. Khi cả hai đang đứng trên vỉa hè thì nhìn thấy xe tắc xi biển kiểm soát 24A-045.84 do anh Lê Xuân N1, sinh năm 1968, trú tại tổ 5, phường N, thành phố L đi qua nên cả hai vẫy xe, anh N1dừng lại, mở cửa cho C và N lên xe. Sau khi lên xe, cả hai ngồi ở hàng ghế phía sau, trong đó N ngồi ghế sau bên lái, C ngồi ghế sau bên phụ. Cấp báo anh N1cho sang cầu C, khi xe đi qua cầu anh N1hỏi đi đâu nữa, thì N hỏi đi về xã X, huyện B hết bao tiền, anh N1 bảo bật đồng hồ lên đi được bao nhiêu kilomet thì tính tiền bấy nhiêu, C và N đồng ý và bảo anh N1đi theo đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai cho nhanh. Khi xe đi qua trạm thu phí IC 18 được khoảng 01 km tiến về trạm thu phí IC 17 thuộc thôn T, xã X, huyện B, C và N lấy lí do đi vệ sinh nên bảo anh N1 dừng xe lại. Khi anh N1dừng xe ở mép đường bên phải theo hướng đi, thì N dùng tay trái lấy con dao từ túi quần bên trái đang mặc, vươn người về phía ghế lái và dí con dao vào cổ không chế anh N1, đồng thời C cũng vươn người lên dùng tay túm lấy cổ áo bên phải anh N1và túm luôn sợi dây chuyền bạc mà anh N1 đang đeo trên cổ. Khi đó, anh N1đã hô cướp thì N đe dọa “*Ngồi im, có bao nhiêu tiền đưa hết đây*”, anh N1tiếp tục dùng tay trái nắm vào tay cầm dao của N, còn tay phải nắm vào cổ áo bên phải của mình kéo lại do cảm thấy bị ngạt thở, thì bị C giật mạnh cổ áo cùng sợi dây chuyền bạc của anh N1về phía sau, khiến cho sợi dây chuyền

bạc bị đứt, tuột về phía sau, C cầm sợi dây chuyền đứt vào túi quần phía trước bên trái của mình. Lúc này anh N1 nói *“Lấy tiền chứ gì”* và dùng tay phải móc tiền từ túi áo ngực bên trái ra nói *“Đây, tiền đây, có hơn triệu đây”*, anh N1 đưa tiền về phía sau C lấy luôn số tiền từ tay anh N1. Sau đó N hỏi anh N1 *“Đàm đâu”* và C cũng hỏi *“Điện thoại đâu”* thì anh N1 nói *“Đàm để tôi làm ăn, lấy làm gì”*, C vươn người lên phía anh N1 dùng tay sờ vào hai bên túi quần anh N1 để tìm điện thoại nhưng không thấy, nên không tìm nữa và quay lại ngồi ở vị trí cũ. N cũng vươn người lên phía vô lăng và dùng tay phải rút chìa khóa xe ô tô cầm ở tay và nói *“Coi như hôm nay ông đến khi gặp bọn tôi, bọn tôi chỉ lấy tiền chứ không giết ông”* anh N1 trả lời *“Coi như tôi đến gặp các anh, lấy thế đủ rồi, các anh đưa lại cho tôi mấy đồng, trả chìa khóa xe cho tôi còn về”*. Nghe anh N1 nói vậy, N bảo C đưa lại cho anh N1 40.000đ, còn N trả lại chìa khóa xe ô tô cho anh N1. Sau đó C mở cửa phía sau bên phải của xe ô tô rồi cả hai nhanh chóng ra khỏi xe, trèo qua hộ lan phía bên phải đường cao tốc trốn lên đồi nhà dân ở cách vị trí gây án khoảng 300m hướng về Xuân Giao. Tại đây, C mang tiền ra đếm được 1.100.000đ và C nói cho N biết lấy được 01 sợi dây chuyền bạc của anh N1. Sau đó, N vớt con dao gây án vào bụi cây ở gần vị trí cả hai lần trốn. Khoảng 01 tiếng sau, C và N đi ra đường cao tốc bắt xe tắc xi không rõ biển kiểm soát đi đến nhà nghỉ Q ở Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện B để nghỉ. Khoảng 12 giờ ngày 04/10/2017, C mang dây chuyền bạc cướp được đến bán cho chị Đoàn Thị Thúy N, sinh năm 1991 là chủ cửa hàng vàng bạc T, ở tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện B được 1.080.000đ. Sau đó, C quay lại nhà nghỉ dùng số tiền cá nhân còn lại thanh toán hết 150.000đ tiền thuê phòng, rồi cùng với N bắt xe khách đi lên thành phố L, tiếp đó cả hai đi tàu về Hà Nội tìm việc làm. Đến ngày 09/10/2017, do không tìm được việc làm và đã chi tiêu hết số tiền chiếm đoạt của anh N1, nên C và N đi tàu về thành phố L. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 10/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đã bắt khẩn cấp Đỗ Văn C để điều tra về hành vi Cướp tài sản. Cùng ngày, được sự động viên của gia đình và cơ quan Công an, Nguyễn Văn N đã đến Công an huyện Bảo Thắng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại biên bản định giá tài sản số 12/BB.ĐG, ngày 19/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 sợi dây chuyền bạc do Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N chiếm đoạt của anh Lê Xuân N1 vào ngày 03/10/2017 có trị giá 1.440.000đ.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N về tội: "Cướp tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N phạm tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999.

Về hình phạt chính:

Đối với bị cáo Đỗ Văn C: Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 133; Khoản 1,2 điều 20, 53, Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Áp dụng Điểm d, Khoản 2 Điều 133, Khoản 1,2 Điều 20, 53, Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, không có điều kiện về tài sản, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường về tổn thất tinh thần giữa hai bị cáo và bị hại theo thỏa thuận tại bút lục 165 trong hồ sơ vụ án (bị cáo C và N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000đ).

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 con dao có tổng chiều dài 18,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 10 cm, chuôi dao bằng gỗ màu trắng, lưỡi dao được cố định vào chuôi dao bằng khuy dao, mũi dao bằng, bản dao rộng dần từ dưới lên trên, chỗ rộng nhất là 3,2 cm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N: Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N đã khai nhận do không có tiền chi tiêu cá nhân, ngày 03/10/2017 Đỗ Văn C đã rủ Nguyễn Văn N đi cướp tài sản, các bị cáo mua dao và sử dụng dao làm phương tiện để khống chế anh N1 và chiếm đoạt của anh N1 01 sợi dây chuyền bạc có giá trị 1.440.000đ cùng số tiền mặt là 1.100.000đ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Xuân N1 có giá trị 2.540.000đ. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng,

tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N ra trước toà về tội: "Cướp tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Văn C là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp chọn dao, thanh toán tiền mua dao làm công cụ phạm tội và tham gia thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, bị cáo là người trực tiếp túm cổ áo và dây chuyền bạc của bị hại giật mạnh về phía sau, khi dây bạc bị đứt bị cáo lấy cất vào túi quần, là người trực tiếp lấy tiền của bị hại và trực tiếp đi bán dây bạc cầm toàn bộ số tiền cướp được để phục vụ chi tiêu cho bản thân các bị cáo. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N khi được C rủ đi cướp tài sản nhưng bị cáo đã không can ngăn mà đồng tình ủng hộ ngay, cùng bị cáo C đi mua dao để làm công cụ phạm tội, trực tiếp cầm dao dí vào cổ không chế bị hại. Bản thân bị cáo là người tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo giữ vai trò đồng phạm thực hành tích cực trong vụ án.

Hành phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân của các bị cáo: Đối với bị cáo Đỗ Văn C tại bản án số 77/2013/HSST ngày 21/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung 5.000.000đ, tịch thu sung quỹ Nhà nước 100.000đ và bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Ngày 15/5/2014 bị cáo đã thi hành xong toàn bộ phần dân sự của bản án. Ngày 20/7/2015 bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội và Điểm b Khoản 2 điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Đỗ Văn C thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Mặc dù đây không phải là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, song điều đó cũng cho thấy bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N là đối tượng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi một phần trả cho chủ sở hữu, các bị cáo cũng đã tác động gia đình hoàn trả tiền cho người có quyền lợi liên quan và bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Vì vậy cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một

phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra đối với bị cáo Nguyễn Văn N đã ra đầu thú nên cần áp dụng Nghị quyết số 41; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào trách nhiệm hình sự.

[5]. Liên quan trong vụ án còn có anh Trần Văn K là người đã bán dao cho các bị cáo; Chị Đoàn Thị Thúy N là người đã mua sợi dây chuyền bạc của các bị cáo; Anh Trần Văn K1 chủ nhà nghỉ Q là nơi các bị cáo thuê nhà nghỉ sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định anh Trần Văn K, chị Đoàn Thị Thúy N và anh Trần Văn K1 đều không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ đúng pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Xuân N1 là người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, song tại các biên bản ghi lời khai và biên bản thỏa thuận bồi thường dân sự anh trình bày anh bị các bị cáo chiếm đoạt 01 dây chuyền bạc trị giá 1.440.000đ và 1.100.000đ tiền mặt, cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả cho anh chiếc dây chuyền bạc. Anh yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh và tiền tổn thất về tinh thần tổng cộng là 11.000.000đ. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh được 3.000.000đ, còn 8.000.000đ do gia đình các bị cáo khó khăn không có tiền để bồi thường ngay, nên giữa anh và các bị cáo có thỏa thuận các bị cáo chấp hành án phạt tù xong sẽ tiếp tục bồi thường cho anh 8.000.000đ, anh yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa anh với các bị cáo. Xét yêu cầu của anh N1 là có căn cứ nên cần chấp nhận là phù hợp với Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Điều 587; Điều 589; Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với chị Đoàn Thị Thúy N là người đã mua sợi dây chuyền bạc của các bị cáo với giá 1.080.000đ, Khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện cơ quan điều tra đã thu hồi sợi dây chuyền bạc nên chị có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại cho chị 1.080.000đ. Các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện hoàn trả đủ cho chị 1.080.000đ. Nay chị không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn H là anh trai bị cáo Nguyễn Văn N và là anh rể của bị cáo Đỗ Văn C đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh Lê Xuân N1 3.000.000đ và hoàn trả cho chị Đoàn Thị Thúy N 1.080.000đ, nay anh H không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ một con dao dài 18,5 cm, trong đó phần lưỡi dao bằng kim loại dài 10 cm, chuôi dao bằng gỗ màu trắng, lưỡi dao được cố định vào chuôi dao bằng khuy dao, mũi dao bằng, bản dao rộng dần từ dưới lên trên, chỗ rộng nhất là 3,2 cm. Xét thấy đây là công cụ

phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra cơ quan điều tra thu giữ 01 sợi dây chuyền bạc, đây là tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Xuân N1. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy là đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn C phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2017.

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Điều 587; Điều 589; Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với bị hại. Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Lê Xuân N1 số tiền các bị cáo chiếm đoạt và tiền tổn thất về tinh thần là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho anh Lê Xuân N1 3.000.000đ (Ba triệu đồng) các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Xuân N1 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Quy phân cụ thể bị cáo Đỗ Văn C bồi thường cho anh Lê Xuân N1 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Lê Xuân N1 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền bồi thường, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền bồi thường nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Căn cứ Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên tịch thu một con dao có chiều dài 18,5cm, trong đó phần lưỡi dao bằng kim loại dài 10 cm, chuôi dao bằng gỗ màu trắng, lưỡi dao được cố định vào chuôi dao bằng khuy dao, mũi dao bằng, bản dao rộng dần từ dưới lên trên, chỗ rộng nhất là 3,2 cm không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- CQCSĐT CA huyện BT;
- Nhà tạm giữ CA huyện BT;
- Sở tư pháp LC;
- PC 81;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- THA HS (4);
- Lưu HS; TA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hằng

Anh Lê Xuân Nam là người bị hại đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng đã trả lại cho anh 01 sợi dây chuyền bạc, sau khi nhận lại tài sản anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 11.000.000đ, gồm tiền thiệt hại tài sản là 1.100.000đ, tiền tổn thất về tinh thần là 9.900.000đ. Các bị cáo nhất trí với yêu cầu của anh Nam và đã tác động với gia đình bồi thường cho anh Nam được 3.000.000đ số tiền còn lại anh Nam yêu cầu các bị cáo phải

tiếp tục bồi thường. Xét yêu cầu của anh Nam là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc các bị cáo Đỗ Văn C và Nguyễn Văn Nghĩa phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nam số tiền còn thiếu là 8.000.000đ. Quy phần cụ thể bị cáo Đỗ Văn C phải bồi thường cho anh Lê Xuân Nam 4.000.000đ; Bị cáo Nguyễn Văn Nghĩa phải bồi thường cho anh Lê Xuân Nam 4.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 589; Khoản 2 Điều 592 BLDS. Buộc các bị cáo Đỗ Văn C, Nguyễn Văn Nghĩa phải liên đới bồi thường cho anh Lê Xuân Nam số tiền 9.900.000đ, quy phần cụ thể bị cáo Đỗ Văn C phải bồi thường cho anh Lê Xuân Nam số tiền 4.950.000đ; bị cáo Nguyễn Văn Nghĩa phải bồi thường cho anh Lê Xuân Nam số tiền 4.950.000đ.